

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ- ST
Ngày 27-6-2019
V/v ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hg Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Bà Triệu Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hg Long- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04-6-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa;

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Đội 11, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Tạm trú tại: Đội 11, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định- Có mặt

Bị đơn: Anh Trần Việt H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái.- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày: Tôi kết hôn với Anh Trần Việt H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 08-10-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau về Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái làm ăn sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến gần cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên không sống cùng nhau được. Đến tháng 12 năm 2015 tôi đã bỏ về nhà bố mẹ để tôi ở xã H, huyện N, tỉnh Nam Định sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Anh H.

Về con chung: Tôi và anh H chưa có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi và anh H không có tài sản chung, không nợ chung. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Việt H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56 và 57 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Trần Việt H; chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Trần Thị Đ kết hôn với Anh Trần Việt H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Yên

Bái vào ngày 08-10-2015. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Đ và anh H cùng nhau về Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái làm ăn sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau. Tháng 12 năm 2015 chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện N, tỉnh Nam Định sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị Định là mẹ đẻ của anh Trần Việt H cũng xác nhận: Chị Đ và anh H chung sống với nhau được hai tháng thì chị Đ bỏ về về nhà bố mẹ đẻ ở Nam Định không quay về chung sống cùng anh H từ đó đến nay. Lý do chị Đ bỏ về Nam Định là do không quen công việc, không biết làm ăn gì ở trên xã M- huyện V- tỉnh Yên Bái. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị Đ và anh H là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị Đ được ly hôn anh H.

{4} *Về con chung*: Chị Đ và anh H chưa có con chung.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Đ và anh H không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

{6} *Về án phí*: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, khoản 2 Điều 227, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Trần Việt H

2- *Về án phí*: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0001287 ngày 20-3-2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3- *Quyền kháng cáo*:

Chị Trần Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Việt H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Hội thẩm nhân dân

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Văn Yên;
- CCTHA Văn Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hg Văn Anh